TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ HUOAI** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-05-2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến

Ông Trần Đình Hiếu

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Mã Thị Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/HNGĐST-QĐ ngày 09/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Trung T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T (chị T) và anh Lê Trung T (anh Tr) tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, được sự nhất trí của hai bên gia đình chị T anh Tr tổ chức đám cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 15/08/2013. Sau khi kết hôn chị T anh Tr sinh sống tại xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian ban đầu chung sống

hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình và xã hội, anh Tr hay ghen tuông, ăn chơi, nhậu nhẹt và không quan tâm đến gia đình vợ con. Mặc dù đã cố gắng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được. Chị T, anh Tr đã sống ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài không thể hòa hợp dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó chị T làm đơn này yêu cầu tòa giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là: cháu Lê Hoài A, sinh ngày 01/07/2014 và cháu Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày 28/12/2020. Hiện nay hai con chung đang ở với chị T, sau khi ly hôn chị T đề nghị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2013 do UBND thị trấn Mađaguôi – huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/8/2013 (bản chính); Giấy khai sinh Lê Hoài A và Lê Nguyễn Minh A (bản sao); Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thanh T (bản sao) và căn cước công dân mang tên Lê Trung T (bản photo); 01 Sổ hộ khẩu mang tên Lê Trung T (bản sao).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành lấy ý kiến của cháu Lê Hoài A. Kết quả cho thấy nguyện vọng của cháu là mong muốn được ở với mẹ là chị T mà không mong muốn được ở với bố là anh Tr.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Trung T có đơn trình bày ý kiến như sau: Anh Tr và chị Nguyễn Thị Thanh T (chị T) có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện C, tỉnh Lâm Đồng ngày 15/08/2013. Vợ chồng sống chung một thời gian thì đến đầu năm 2022 xảy ra mâu thuẫn, nay chị T đề nghị ly hôn thì anh Tr cũng đồng ý ly hôn. Đối với con chung anh Tr đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lê Hoài A đến khi đủ tuổi thành niên. Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, về nợ chung không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhiều lần nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T và anh Tr được ly hôn. Về con chung: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Tr nhiều lần nhưng anh Tr vắng mặt đến nay không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh điều kiện nuôi con của mình cũng như không có thêm ý kiến nào khác, còn chị T có nơi ở ổn định, có việc làm thu nhập đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, hai con chung cũng đang được chị T trực tiếp chăm sóc ổn định và cháu An đang học tập tại Tr Tiểu học Trần Quốc Toản. Vì vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giao cháu Lê Hoài A và cháu Lê Nguyễn Minh A cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[1] Về thủ tục tố tụng; về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Lê Trung T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng ngày 15/08/2013, việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mađaguôi là đúng pháp luật. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh Tr được xác lập là hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Tr. Quá trình tố tụng xác minh anh Tr hiện đang sinh sống và làm việc tại thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy,

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* và Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

Anh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thì thấy rằng:

Chị T và anh Tr chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tr hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn chị T anh Tr chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh Tr hay ghen tuông, ăn chơi, nhậu nhẹt và không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị T, anh Tr đã sống ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Tr tham gia tố tụng nhưng anh Tr vắng mặt không có lý do, anh Tr có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị T, ngoài ra không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo hòa giải vụ án cho anh Tr nhiều lần nhưng anh Tr không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T. Mặt khác, qua xác minh tại địa phương thì được biết chị T và anh Tr thỉnh thoảng có mâu thuẫn, không gây ảnh hưởng gì đến trật tự lối xóm vì khi có mâu thuẫn thì chị T và anh Tr cũng không yêu cầu hòa giải. Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh Tr là thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh (bản sao) của Ủy ban nhân dân xã Đạ Oai và Ủy ban nhân dân thị trấn Mađaguôi thể hiện cháu Lê Hoài A, sinh ngày 01/07/2014 và cháu Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày 28/12/2020 có họ tên người mẹ Nguyễn Thị Thanh T, họ tên người cha Lê Trung T. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định cháu Lê Hoài A và cháu Lê Nguyễn Minh A là con chung của chị T, anh Tr.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T thì thấy rằng:

Về điều kiện chăm sóc con: Xét thấy, các con chung đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đồng thời, theo bản tự khai ngày 09/02/2023 cháu An có nguyện vọng được sống cùng chị T trong Tr hợp chị T, anh Tr ly hôn; cháu Minh Anh tuổi còn nhỏ, hiện nay đang ở với chị T. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung, giúp các con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu An, cháu Minh Anh cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là phù hợp.

Xét yêu cầu nuôi con của anh Tr thì thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án anh Tr có đơn trình bày nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lê Hoài A đến khi đủ tuổi thành niên, về cấp dưỡng nuôi con thì anh Tr không có ý kiến gì. Tuy nhiên Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Tr nhưng anh Tr vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến hay nộp bất cứ tài liệu, hồ sơ nào chứng minh điều kiện nuôi con của mình. Qua xem xét thì thấy rằng hiện tại cháu An và cháu Anh đang sống với chị T ổn định, đồng thời nguyện vọng của cháu An là mong muốn được ở với chị T. Hơn nữa để đảm bảo cho cháu An và cháu Anh có sự phát triển ổn định nhằm tránh thay đổi đột ngột có thể dẫn đến sự lo sợ và phát triển không bình thường cho các cháu nên cần giao cháu An và cháu Anh cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu anh Tr cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu An, cháu Anh nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị T khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh Tr không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[2.6] Đánh giá, xét quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T đối với anh Lê Trung T về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Lê Trung T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 50 quyển số 01/2013, ngày 15/08/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoài A, sinh ngày 01/07/2014 và cháu Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày 28/12/2020 cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Anh Lê Trung T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011039 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Trung T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án, chị T anh Tr có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tr hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9

của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đạ Huoai (02);
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai (02);
- UBND thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai (01);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Án văn (03);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hà Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến **Trần Đình Hiếu** **Nguyễn Thị Hà Giang**